

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỐT NỐT
TP. CẦN THƠ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12 /2025/HNGĐ-ST

Ngày: 24- 02- 2025

V/v “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT – THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Kiệt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Viết Ngoan

2. Bà Trần Thúy Kiên

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt – thành phố Cần Thơ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt – thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Kiều Oanh – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt - thành phố Cần Thơ, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 129/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2024, về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2025/QĐXXST – HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trần Thư T** – sinh năm 2004. Có mặt

Cư trú: Ấp Q, xã T, huyện V, Tp ..

Bị đơn: Anh **Văn Thành T1** – sinh năm 1992. Có mặt

Cư trú: Khu vực L, P. T, Q. T, Tp ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Trần Thư T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị T và anh T1 do tự nguyện tiến tới hôn nhân, tổ chức lễ cưới năm 2021, có đăng ký kết hôn năm 2022. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm về chuyện tiền bạc, con cái. Vợ chồng không thể chung sống nên đã ly thân nhau từ năm 2023 đến nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng cũng không có giải pháp nào để hàn gắn. Nay nhận thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không còn tình cảm vợ chồng, không thể tiếp tục quan hệ hôn nhân, nên chị T yêu cầu giải quyết cho ly hôn.

- Về con chung: Chị T và anh T1 có 02 người con chung là Văn Thị Kiều T2 – sinh ngày 29/11/2021 và Vân Thị Thanh T3 – sinh ngày 18/6/2023. Hiện cháu T2 đang sống bên anh T1, còn cháu T3 đang sống bên chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được giao quyền cho chị nuôi dưỡng cháu T2 và cháu T3, và yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con 2.500.000 đồng/tháng/người con đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

* Quá trình giải quyết, bị đơn là anh Văn Thành T1 trình bày:

- Về hôn nhân: Chị T và anh T1 do tự nguyện tiến tới hôn nhân, tổ chức lễ cưới năm 2021, có đăng ký kết hôn năm 2022. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do công chuyện làm ăn của anh T1 không thuận lợi, kinh tế gia đình gặp khó khăn, dẫn đến vợ chồng thường hay xảy ra cãi vã. Vợ chồng không thể chung sống nên đã ly thân nhau từ tháng 7/2023 đến nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng có tìm cách trao đổi để hàn gắn nhưng không hiệu quả. Nay nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng, không thể tiếp tục quan hệ hôn nhân, nên anh T1 đồng ý ly hôn với chị T.

- Về con chung: Chị T và anh T1 có 02 người con chung là Văn Thị Kiều T2 – sinh ngày 29/11/2021 và Vân Thị Thanh T3 – sinh ngày 18/6/2023. Hiện cháu T2 đang sống bên anh T1, còn cháu T3 đang sống bên chị T. Khi ly hôn, anh T1 yêu cầu được giao quyền cho anh nuôi dưỡng cháu T2, còn chị T nuôi dưỡng cháu T3, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

* Tại phiên tòa, các đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày như trên.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành của những người tham gia tố tụng là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chấp nhận cho chị T và anh T1 ly hôn; giao cho anh T1 nuôi dưỡng cháu T2, chị T nuôi dưỡng cháu T3, anh T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị T với số tiền 2.500.000 đồng/ tháng cho đến khi cháu T3 đủ 18 tuổi; về tài sản chung, nợ chung do đương sự không có yêu cầu nên không đề cập giải quyết; về án phí giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T1 là tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn nên chị T khởi kiện xin ly hôn, đồng thời yêu cầu giải quyết vấn đề nuôi con, cấp dưỡng. Đây là quan hệ pháp luật về “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật

Tổ tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt – thành phố Cần Thơ.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án đúng theo thẩm quyền. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các bên đương sự không thỏa thuận được nên vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về hôn nhân: Nhận thấy hôn nhân giữa chị T và anh T1 là tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, nên thường xảy ra cãi vã, không có sự thông cảm lẫn nhau. Từ đó, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay. Trong thời gian ly thân, vợ chồng cũng không có giải pháp gì để khắc phục. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các bên đương sự không thỏa thuận được. Nay cả chị T và anh T1 đều thống nhất ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân. Vì vậy, nên chấp nhận cho ly hôn là phù hợp.

[3.2] Về nuôi con, cấp dưỡng: Chị T và anh T1 có 02 người con chung là Văn Thị Kiều T2 – sinh ngày 29/11/2021 và Vân Thị Thanh T3 – sinh ngày 18/6/2023. Hiện cháu T2 đang sống bên anh T1, còn cháu T3 đang sống bên chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được giao quyền cho chị nuôi dưỡng cả cháu T2 và cháu T3, yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con 2.500.000 đồng/tháng/người con, đến khi con trưởng thành; còn anh T1 yêu cầu được giao quyền cho anh nuôi dưỡng cháu T2, chị T nuôi dưỡng cháu T3, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, cháu T2 và cháu T3 đều còn nhỏ tuổi (chưa đến 06 tuổi), nên cần ổn định cuộc sống, sinh hoạt của các cháu. Vậy nên để cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng cháu T3, anh T1 tiếp tục nuôi dưỡng cháu T2 như hiện tại là phù hợp; nếu sau này điều kiện hoàn cảnh thay đổi thì các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con vì lợi ích của người con.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của cha mẹ đối với người con nhằm đảm bảo cho con có điều kiện được sống tốt. Chị T yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ. Xét anh T1 có điều kiện việc làm thu nhập tốt hơn chị T nên cần buộc anh T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T3 với mức cấp dưỡng nuôi con 2.500.000 đồng/tháng là phù hợp. Còn anh T1 không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, với điều kiện thu nhập của anh vẫn đảm bảo việc nuôi cháu T2, nên không cần buộc chị T cấp dưỡng. Sau này nếu điều kiện hoàn cảnh thay đổi, các bên có thể yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con cho phù hợp.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự xác định không có tài sản chung, nợ chung nên không đề cập giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì sẽ giải quyết trong vụ kiện khác.

[4] Về án phí:

Chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp.

Anh T1 phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật là 300.000 đồng.

[5] Xét ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có cơ sở như đã phân tích.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 5; 28; 35; 39; 147; 271; 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 56; 58; 81; 82; 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Nghị quyết Số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thu T và anh Văn Thành T1.

2. Về nuôi con, cấp dưỡng: Giao cháu Văn Thị Thanh T4 – sinh ngày 18/6/2023 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành (đủ 18 tuổi), và giao cháu Văn Thị Kiều T2 – sinh ngày 29/11/2021 cho anh T1 tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị T với số tiền 2.500.000 đồng/tháng, kể từ khi án có hiệu lực đến khi cháu T4 đủ 18 tuổi.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho chị T, anh T1, không ai được cản trở. Chị T, anh T1 có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con vì lợi ích của con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí sơ thẩm:

Chị Trần Thu T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005625 ngày 11 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt - thành phố Cần Thơ. Công nhận chị T đã nộp xong án phí.

Anh Văn Thành T1 phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*).

4. Về kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Về thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Tp. Cần Thơ;
- VKSND Q.Thốt Nốt;
- Chi cục THADS Q . Thốt Nốt;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Văn Kiệt